

ANhiên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1729/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1553/TTr-SXD ngày 19/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, giới hạn, quy mô diện tích

a) Vị trí, giới hạn

Tại Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu hiện hữu do Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi làm chủ đầu tư, với phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Bắc : Giáp dự án khu xử lý chất thải 30 ha (trước đây đã giao cho Công Ty AIC).

- Phía Nam : xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom.



- Phía Đông : Giáp dự án khu xử lý chất thải 30 ha (trước đây đã giao cho Công Ty AIC).

- Phía Tây : Giáp đất nông nghiệp xã Vĩnh Tân.

b) Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 21,7 ha.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất, mục tiêu lập quy hoạch

a) Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn về xử lý chất thải, phù hợp với quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 nhằm giải quyết xử lý rác thải theo quy định về bảo vệ môi trường, đạt chỉ tiêu chôn lấp chất thải rắn theo đúng chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Xác định tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức khu xử lý phân loại chế biến rác và chôn lấp; Áp dụng công nghệ xử lý rác thải sinh hoạt theo công nghệ làm mùn compost với công suất xử lý khoảng 450 tấn/ca 8h để phân loại, tái chế rác thải, tận dụng, thu hồi tối đa các thành phần có thể tái chế, tái sử dụng chất thải, giảm thiểu thải bỏ, tiết kiệm diện tích chôn lấp, tỷ lệ rác tro chôn lấp dưới 15%, trên cơ sở kết hợp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch đã và đang được triển khai xây dựng tại khu vực.

c) Dự án thực hiện sẽ góp phần giải quyết được vấn đề xử lý rác sinh hoạt, cải thiện chất lượng môi trường, bảo đảm sức khỏe cộng đồng, phát triển bền vững.

d) Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai xây dựng, quản lý và đầu tư xây dựng.

3. Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án

Thực hiện theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành và các quy định về quy hoạch xây dựng có liên quan:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

- Khu phụ trợ, điều hành : $\leq 10 \%$
- Khu xử lý chất thải, khu chôn lấp và khu xử lý nước rác - bùn : $\leq 65 \%$
- Đất giao thông : $\geq 10 \%$
- Đất cây xanh : ≥ 15

b) Mật độ xây dựng toàn khu vực : $\leq 30 \%$

c) Tầng cao và chiều cao xây dựng:

- Khu phụ trợ : 1 - 4 tầng ≤ 16 m
- Khu xử lý nước rỉ rác, bùn hầm cầu : 1 - 2 tầng ≤ 15 m
- Nhà máy compost : 1 - 2 tầng ≤ 15 m

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Quy hoạch sử dụng đất

- Bảng cơ cấu sử dụng đất so sánh giữa quy hoạch được duyệt và quy hoạch điều chỉnh:

TT	Loại đất	Theo quy hoạch được duyệt			Quy hoạch điều chỉnh			
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tăng/giảm
1	Khu phụ trợ - điều hành	A	3.321	1,53	A	3.363	1,55	Tăng 0.02%
2	Khu tiền xử lý - phân loại chất thải	Plct	10.625	4,90		0	0	Hủy bỏ
3	Khu xử lý chất thải làm mùn compost		0		C	42.699	19,68	Bổ sung mới
4	Khu ô chôn lấp	H	122.496	56,45	H	89.816	41,39	Giảm 15.06%
4.1	Ô chôn lấp hợp vệ sinh	Hsh	74.735		Hsh	79.207		
4.2	Ô chôn lấp rác công nghiệp	Hcn	31.727		Hcn	10.609		
4.3	Ô chôn chất thải nguy hại	Hnh	16.034			0		Hủy bỏ
5	Khu xử lý nước thải - Bùn hầm vệ sinh	B	8.367	3,86	B	8.340	3,84	Giảm 0.02%
6	Đất giao thông		23.981	11,05		30.811	14,20	Tăng 3.15%
6.1	Đất giao thông nội bộ		16.228			23.058		
6.2	Đất giao thông thuộc phạm vi đường ranh thị trấn Vĩnh An		7.753			7.753		Không thay đổi
7	Đất suối thoát nước		3.567	1,64		3.481	1.60	Giảm 0.04%
8	Đất cây xanh		44.643	20,57		38.490	17,74	Giảm 2.83%
	Tổng cộng		217.000	100		217.000	100	

- Cơ cấu sử dụng đất điều chỉnh:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu phụ trợ - điều hành	A	3.363	1,55
2	Khu xử lý chất thải làm mùn compost	C	42.699	19,68
3	Khu ô chôn lấp	H	89.816	41,39
3.1	Ô chôn lấp hợp vệ sinh	Hsh	79.207	
3.2	Ô chôn lấp rác công nghiệp	Hcn	10.609	
4	Khu xử lý nước thải - Bùn hầm vệ sinh	B	8.340	3,84
5	Đất giao thông		30.811	14,20
5.1	Đất giao thông nội bộ		23.058	
5.2	Đất giao thông thuộc phạm vi đường ranh thị trấn Vĩnh An		7.753	
6	Đất suối thoát nước		3.481	1.60
7	Đất cây xanh		38.490	17.74
	Tổng cộng		217.000	100

b) Phân khu chức năng

- Khu phụ trợ - điều hành (A):

+ Tăng diện tích từ 3.321 m² lên thành 3.363 m² chiếm 1.55% diện tích toàn dự án.

+ Bố trí ngay ngõ vào chính của khu quy hoạch về phía Nam nhằm cải tạo cảnh quan cũng như thuận lợi cho việc quản lý điều hành, giao dịch, gồm các công trình: Nhà điều hành, kho chứa phế liệu - kho chứa chất thải nguy hại, Bãi đậu xe, trạm sửa chữa bảo dưỡng điện máy, trạm điện, nhà bảo vệ, trạm cân....

+ Tầng cao 1 - 4 tầng và chiều cao xây dựng ≤ 16 m

+ Mật độ xây dựng: 20 - 30%

- Khu xử lý chất thải làm mùn compost (C):

+ Diện tích 42.699 m² chiếm 19,68 % diện tích toàn dự án.

+ Khu xử lý rác sinh hoạt làm mùn compost được bố trí ở vị trí Khu tiền xử lý - Phân loại chất thải và hố chôn Hsh1, Hsh2, Hcn1 theo quy hoạch trước đây được duyệt nằm ở phía Nam của dự án bao gồm các hạng mục như: Xưởng tiếp nhận, Xưởng Ủ, Xưởng tinh chế, Xưởng lưu phân, Xưởng phụ trợ, Khu phụ trợ gồm nhà điều hành, nhà ăn, trạm biến thế, nhà bơm... Lối tiếp nhận rác nằm phía Bắc, cuối hướng gió giáp ranh suối thoát nước và các ô chôn lấp rác Hsh3, Hsh4 thuận tiện cho việc chôn lấp rác tro sau xử lý của dây chuyền compost và cách xa khu điều hành.

+ Tầng cao 1 – 2 tầng và chiều cao xây dựng ≤ 15 m

+ Mật độ xây dựng: 12 – 20 % diện tích toàn dự án.

- Khu ô chôn lấp (H):

+ Theo quy hoạch được duyệt dự án khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp bố trí 10 ô chôn lấp với tổng diện tích là 122.496 m² chiếm 56,45% diện tích toàn dự án bao gồm các hố chôn rác sinh hoạt, hố chôn rác công nghiệp và hố chôn rác nguy hại. Qua quá trình triển khai dự án chủ đầu tư đã thực hiện thi công các ô chôn lấp Hsh3, Hsh4, Hsh5 và hố chôn rác công nghiệp Hcn2, trong đó hố Hsh5 đã lấp đầy và thực hiện đóng ô.

+ Điều chỉnh giảm diện tích khu chôn lấp xuống còn 89.816 m² chiếm 41,39 % diện tích toàn dự án.

+ Chuyển đổi phần diện tích đất các hố chôn lấp rác thải sinh hoạt Hsh1, Hsh2, hố chôn rác công nghiệp Hcn1 thành một phần đất xây dựng nhà máy compost (C)

+ Chuyển đổi chức năng hố chôn rác công nghiệp Hcn3; hố chôn rác nguy hại Hnh1; Hnh2 thành 03 ô chôn lấp hợp vệ sinh H1, H2, H3.

- Khu xử lý nước thải - Bùn hầm vệ sinh (B):

+ Chuyển đổi khu xử lý nước thải - ô chứa bùn thành khu xử lý nước thải - bùn hầm vệ sinh với tổng diện tích là 8.340 m² chiếm 3,84 % diện tích toàn dự án. Qua quá trình triển khai dự án chủ đầu tư đã thực hiện thi công các Hồ điều hòa, hồ sinh học và cụm xử lý nước thải.

+ Bổ ô chứa bùn và bổ sung hạng mục xử lý bùn hầm vệ sinh (nhà đặt màng nano, bể chứa bùn sinh học, nhà ép bùn, nhà hóa chất, nhà pha vôi, nhà thổi khí...) với công suất xử lý khoảng 100 tấn/ngày.

+ Tầng cao 1 - 2 tầng và chiều cao xây dựng \leq 15 m

+ Mật độ xây dựng: 75 % diện tích khu xử lý nước thải - bùn hầm vệ sinh.

- Đất cây xanh:

+ Điều chỉnh diện tích cây xanh của dự án từ 44.643 m² thành 38.490 m² tương đương với tỷ lệ điều chỉnh từ 20,57% xuống còn 17,74% diện tích dự án. Các ô chôn lấp sau khi hoàn thành đóng ô thực hiện phủ đỉnh và trồng cây xanh sẽ tăng diện tích cây xanh của dự án.

+ Cây xanh được bố trí trong khu quy hoạch nhằm tạo cảnh quan trong khu vực và cách ly khu vực xung quanh, khoảng cây xanh cách ly xung quanh dự án tối thiểu 10 m.

- Đất giao thông: Tăng diện tích từ 23.981 m² thành 30.881 m² chiếm 14.20 % diện tích toàn khu.

- Đất suối thoát nước: Diện tích 3.481 m² chiếm 1.60 % diện tích toàn khu.

c) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Hướng gió chủ yếu thổi theo hướng Đông Bắc, thổi từ khu dân cư hướng từ đường ranh thị trấn Vĩnh An về phía Bắc suối cạn. Các công trình tiếp nhận rác thải bố trí cuối hướng gió và có nhà xưởng bao kín hạn chế khả năng khuếch tán mùi vào môi trường không khí xung quanh. Bên cạnh đó rác trở sau phân loại xử lý mùn compost đã giảm rất thấp hoặc không còn khả năng phân hủy sinh học sẽ được đưa đến các hồ xử lý chôn lấp hợp vệ sinh vì vậy giảm được khả năng phát sinh mùi hôi.

- Bố trí 03 trục giao thông chính là trục D1-D2 kéo dài từ phía Nam đến phía Bắc của dự án, trục N1 kéo dài từ phía Đông sang Tây và trục D3 hiện tại phục vụ nội bộ hướng tới sẽ là đường khu vực nối các dự án nhà máy rác đốt phát điện công suất 800T/ngày giáp ranh phía Bắc dự án. Bộ cục toàn bộ Khu xử lý chia thành 2 khu vực chính: Phía Tây là khu vực xử lý và tái chế chất thải làm mùn compost, phía Đông là khu ô chôn lấp chất thải, khu phụ trợ, xử lý nước thải và bùn hầm vệ sinh.

- Các bãi chôn lấp được đặt phía Bắc cuối dự án với địa hình đồi kết hợp bố trí cây xanh cách ly và thảm cỏ (sau khi đóng ô, thực hiện phủ đỉnh và trồng cây nên diện tích cây xanh sẽ ngày càng được tăng theo thời gian hoạt động của dự án).

5. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) San nền

- Một số khu vực đã được san nền để triển khai dự án bao gồm: Khu phụ trợ, khu xử lý nước thải - bùn hầm vệ sinh, các ô chôn lấp hợp vệ sinh Hcn2, Hsh3, Hsh4, Hsh5... với độ dốc từ 0% đến 0.3%.

- Cao độ thiết kế san nền lớn nhất 66,80 (m), cao độ thiết kế san nền nhỏ nhất 62,00 (m). Khu compost san nền theo 1 cote = 62.00 với độ dốc 0% .

- Ở vị trí san nền giữa 2 bên có chênh cao lớn (đoạn ranh phía Tây và một phần ranh phía nam từ mốc 09 đến mốc 14) có biện pháp xử lý ổn định taluy trước trong quá trình san nền và xây dựng các công trình sau này, khi thiết kế sẽ tính toán bố trí mặt bằng thi công và đưa ra biện pháp thi công như làm tường chắn đất, kè đá... trước khi san nền, đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng bên trên sau này và các công trình xung quanh dự án.

- Ở những vị trí san nền giữa 2 bên có chênh cao lớn (phía Nam dự án một số vị trí có cao độ san nền tương đối thấp so với cao độ tự nhiên bên ngoài dự án) để đảm bảo không gây sạt lở ảnh hưởng đến công trình bên trong của dự án thì ở các vị trí này sẽ được gia cố bằng tường chắn đất trước khi xây dựng các công trình bên trong.

- Cải tạo và nắn dòng suối hiện hữu ở phía Bắc khu quy hoạch. Suối được xây dựng bằng đá có kích thước đáy rộng 2 m, bề rộng mặt 5 m. Tổng chiều dài 712 m.

- Tại các vị trí hồ chôn khi chôn lấp hồ nào thì tiến hành đào đắp hồ đó.

b) Hệ thống giao thông

- Đường D1 (ký hiệu mặt cắt 1-1) chiều dài $L= 107,88$ m. Lộ giới: 17 m, bề rộng xe chạy $B=7,5$ m, chiều rộng vỉa hè: $2 \times 4,75$ m = 9,5 m.

- Đường D2 (ký hiệu mặt cắt 3-3), chiều dài $L= 275$ m, Lộ giới: 10 m, bề rộng xe chạy $B=7,5$ m, chiều rộng vỉa hè : $2 \times 1,25$ m = 2,5 m.

- Đường D3 (ký hiệu mặt cắt 2-2) chiều dài $L= 304,69$ m, Lộ giới : 13 m, bề rộng xe chạy $B= 7,5$ m, chiều rộng vỉa hè: $2 \times 2,75$ m = 5,5 m.

- Đường N1 (ký hiệu mặt cắt 2-2), chiều dài $L= 539,40$ m, Lộ giới : 13 m, bề rộng xe chạy 7,5 m, chiều rộng vỉa hè : $2 \times 2,75$ m = 5,5 m đảm bảo 2 làn xe, ngoài mục đích là tuyến đường phục vụ nội bộ thì trong tương lai khi dự án đốt rác phát điện đi vào hoạt động sẽ định hướng là đường giao thông đối ngoại kết nối với dự án đốt rác phát điện với giao thông bên ngoài.

- Toàn bộ các tuyến đường phục vụ các xe chuyên dụng vận chuyển chất thải lưu thông được thiết kế với phần đường xe chạy bằng bê tông xi măng đảm bảo khả năng cho các xe chuyên dụng vận chuyển chất thải lưu thông an toàn, đảm bảo tuổi thọ lâu dài, ít phải duy tu bảo dưỡng. Kết cấu vỉa hè bên dưới bố trí hệ thống đường ống kỹ thuật, bên trên trồng cỏ tăng diện tích mảng xanh cho dự án.

- Ngoài các tuyến đường nêu trên dự án còn quy hoạch các tuyến đường nội bộ và sân bãi trong các khu xử lý compost và khu phụ trợ để phục vụ cho hoạt động của từng khu có kết cấu bê tông xi măng.

c) Hệ thống cấp nước

- Nguồn cấp nước được lấy từ nhà máy nước Thiện Tâm tiến hành đầu nối và sử dụng nguồn nước cấp thủy cục.

- Hệ thống đường ống chữa cháy và các trụ chữa cháy đã được lắp đặt trên tuyến đường D1 và tuyến đường N1 giao với D1 về hướng hồ chôn công nghiệp 2.

- Tổng nhu cầu dùng nước khu xử lý khoảng $59,79$ m³/ngày chưa kể nước cấp cho phòng cháy chữa cháy.

- Cấp nước chữa cháy: được lấy từ 02 hồ sinh học (nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải 180 m³/ngày).

- Mạng lưới đường ống được thiết kế dạng mạch vòng kết hợp mạng cụt đảm bảo cấp nước liên tục và an toàn trong khu vực quy hoạch. Các tuyến ống trong dự án sử dụng ống HDPE được bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường với đường kính $\geq D110$. Mạng lưới cấp nước nhánh đến từng hạng mục công trình sẽ được thiết kế chi tiết trong giai đoạn sau.

- Các họng cứu hỏa được đầu nối với các đường ống cấp nước phân phối có đường kính $D110$ trở lên và được bố trí gần ngã ba, ngã tư các trục đường và các vị trí có nguy cơ xảy ra hỏa hoạn.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với các cơ quan chuyên ngành cấp nước để thỏa thuận vị trí đầu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

d) Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải và phải đảm bảo thoát nước không gây ngập úng.

- Hệ thống thoát nước mưa gồm 5 tuyến thoát nước mưa của khu vực hồ chôn và khu phụ trợ và 1 tuyến thoát nước mưa của khu Compost, hướng thoát nước chính là hướng Nam sang Bắc, chảy ra suối cải tạo ở phía Bắc.

- Các tuyến thoát nước mưa sử dụng mương BTCT từ B300 đến B1200 mm. Cống dẫn nước mưa qua đường sử dụng cống từ D300 đến D1000 mm.

- Nắn dòng và cải tạo suối tự nhiên: cải tạo con suối tự nhiên ở phía Bắc thành mương xây đá hộc bề rộng mặt khoảng 5 m, bề rộng đáy khoảng 2 m với chiều dài khoảng 712 m.

đ) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải trong khu dự án gồm: nước thải khu hành chính, nước thải từ khu xử lý rác, nước thải rò rỉ từ các hố chôn lấp rác, nước rò rỉ từ khu ủ lên men.

- Nước thải trong khu nhà máy xử lý làm phân Compost sẽ được thu bởi các rãnh thu nước thải dẫn về các hố ga và sẽ được bơm tưới ẩm lại quá trình ủ phân. Sau khi tưới ẩm, lượng nước thải sẽ dẫn về hố ga cuối đường N1 sau đó bơm về trạm xử lý.

- Nước rỉ rác ở các ô chôn được dẫn về hệ thống bể xử lý bằng hệ thống riêng.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh trong nhà điều hành, khu sản xuất riêng từng khu vực, phải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả vào cống nước thải chung. Nếu xả vào cống nước mưa, phải xử lý riêng đạt yêu cầu môi trường.

- Nước thải trong khu vực được thu gom qua các hố ga theo hệ thống đường ống dẫn về bể thu gom xử lý nước thải, sau khi xử lý đạt cột A của QCVN 25: 2009/BTMNT và QCVN 40: 2011/BTNMT được bơm vào mương thoát nước mưa rồi thoát vào kênh cải tạo phía Bắc dự án.

- Xây dựng một trạm xử lý nước thải trung tâm công suất trạm xử lý là 180 m³/ngày để xử lý toàn bộ các nước thải sau đó sẽ được dẫn đến hồ chứa sinh học dùng tưới tiêu.

- Các tuyến ống HPDE - D300 được bố trí dọc theo các tuyến đường quy hoạch, thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý, dọc theo các tuyến ống thoát nước thải bố trí các hố ga nước thải (giếng thăm).

e) Hệ thống cấp điện

- Nguồn cấp từ đường điện 22 kV tuyến 572 Cây Gáo nhánh mô đá trạm trung gian 6.3/15 KV - 2 x 6.3 MVA Hiếu Liêm.

- 01 trạm biến áp phân phối công suất trạm 750 KVA, 01 trạm biến áp công suất trạm 560 KVA cho khu phụ trợ và xử lý nước, 01 trạm biến áp công suất trạm 560 KVA cho nhà máy compost.

- Trên các tuyến đường lắp hệ thống điện chiếu sáng và hạ các tủ hạ thế. Cấp trung thế cấp cho trạm biến áp đi nổi trên trụ bê tông hoặc đi ngầm trong ống chuyên dụng. Cấp điện cấp cho đèn chiếu sáng đi nổi trên cột điện chiếu sáng.

g) Hệ thống thông tin liên lạc

- Nguồn tín hiệu cung cấp lấy từ tuyến cáp thông tin liên lạc viễn thông huyện Vĩnh Cửu.

- Từ tổng đài thông qua các đường cáp có bọc lớp chống nhiễu, dẫn tín hiệu đến hộp phân phối trung gian đặt ở từng khu vực, để từ vị trí này dẫn cáp đến các số thuê bao bên trong.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành bưu chính viễn thông để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

h) Cây xanh

- Bố trí cây xanh cách ly, vùng đệm đảm bảo chắn gió, bụi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Cây xanh trong khu xử lý tốt nhất nên chọn cây đại mộc lá kim, có tán lá rộng xem kẽ cây bụi thấp nhằm giảm thiểu mức độ gây ô nhiễm từ bãi chôn lấp.

- Chiều dày của dải cây xanh cách ly tối thiểu 10 m.

- Các ô chôn lấp sau khi hoàn thành đóng ô thực hiện phủ đỉnh và trồng cây.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

Thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức các biện pháp khống chế ô nhiễm môi trường trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và dự án vận hành hoạt động và có phương án phòng ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực của bụi và mùi từ các hoạt động xử lý rác, phát thải khí từ các ô chôn lấp, ô nhiễm đất và nước (nước rỉ rác), phát tán chất thải... và có kế hoạch giám sát trong giai đoạn hoạt động của dự án và giai đoạn đóng bãi chôn lấp.

7. Công nghệ

Công nghệ tái chế rác thải sinh hoạt thành mùn compost và các công nghệ xử lý bùn hầm vệ sinh, nước rỉ rác, chôn lấp chất thải hợp vệ sinh rác tro còn lại sau khi đã qua xử lý tái chế.

8. Phân kỳ đầu tư

a) Từ năm 2019 - 2021 triển khai thực hiện các hạng mục

- Xây dựng và hoàn thành đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác sinh hoạt làm mùn compost 450T/ngày, triển khai và thực hiện hoàn thành việc nâng công suất hệ thống xử lý nước thải lên 180m³/ngày và xây dựng Trạm điện 560KVA trong năm 2019-2020.

- Lập thủ tục và thực hiện đóng ô, phủ đỉnh các hố chôn đã lấp đầy.

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động dự án: thông tin liên lạc, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh theo quy hoạch.

- Đầu tư xây dựng một số hạng mục phụ trợ- điều hành phục vụ cho việc hoạt động của giai đoạn này.

b) Từ năm 2021 triển khai thực hiện các hạng mục

- Xây dựng và hoàn thành các công trình phụ trợ- điều hành còn lại trước năm 2024.

- Xây dựng hố chôn lấp mới và lập thủ tục và thực hiện đóng ô, phủ đỉnh các hố chôn đã lấp đầy.

- Đầu tư trồng cây xanh hoàn chỉnh theo đúng quy hoạch.

9. Quy định quản lý theo đồ án

Được ban hành kèm theo Quy định cụ thể việc quản lý đầu tư xây dựng trong phạm vi đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.

10. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

a) Chủ đầu tư: Công ty CP Môi trường Sonadezi.

b) Nguồn vốn thực hiện: Vốn chủ đầu tư.

Điều 2. Trên cơ sở điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi có trách nhiệm:

1. Phối hợp UBND huyện Vĩnh Cửu, UBND xã Vĩnh Tân thực hiện việc công bố công khai quy hoạch và tuân thủ xây dựng, quản lý quy hoạch theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.

2. Căn cứ quy hoạch được duyệt, thực hiện các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công, thực hiện đầu tư xây dựng tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

3. Trong quá trình thiết kế các bước tiếp theo, liên hệ với các cơ quan chuyên ngành để thỏa thuận các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp, vị trí đấu nối hạ tầng chung khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp tại xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công thương, Giao thông Vận tải, Thông tin và truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Tân; Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



V
U
N
C